

Vietnam Daily Review

Trở lại sau đông bão

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/3/2022		•	
Tuần 28/3-1/4/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trấn an tinh thần sau phiên chao đảo ngày hôm qua, hôm nay nhà đầu tư đã trở lại giải cứu thị trường, kéo VN-Index đi lên một mạch từ lúc mở cửa cho đến lúc hết phiên. Dòng tiền trở về với nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi hầu hết tất cả các mã trong nhóm VN30 đều tăng điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 19/19 ngành phủ sắc xanh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index đã quay trở lại vùng quanh 1500 điểm, và nhiều khả năng chỉ số sẽ tiếp tục kịch bản quen thuộc là đi quanh vùng này trong một vài phiên.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/03/2022, các chứng quyền tăng điểm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): MSH_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **+14.58** điểm, đóng cửa **1497.76** điểm. HNX-Index **+6.35** điểm, đóng cửa **461.24** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+0.78)**, **FPT (+0.65)**, **VNM (+1.13)**, **BID (+0.03)**, **DIG (+0.88)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.59)**, **MSN (-10.47)**, **SSB (-0.46)**, **DGC (-0.27)**, **VHC (-0.16)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21.695** tỷ đồng, giảm **-28.84%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23.487 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 10.88 điểm. Thị trường có **346** mã tăng, 44 mã tham chiếu và **108** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **22.03** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (191.44 tỷ)**, **EIB (146.69 tỷ)**, **FTS (44.01 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 329.72 triệu đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

[anhvv@bsc.com.vn](#)

VN-INDEX **1497.76**
Giá trị: 21695.02 tỷ **14.58 (0.98%)**
Khối ngoại (ròng): 22.03 tỷ

HNX-INDEX **461.24**
Giá trị: 3604.67 tỷ **6.35 (1.4%)**
Khối ngoại (ròng): 0.32972 tỷ

UPCOM-INDEX **117.37**
Giá trị: 1562.03 tỷ **1.36 (1.17%)**
Khối ngoại(ròng): 41.21 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	106.9	0.92%
Giá vàng	1,914	-0.48%
Tỷ giá USD/VND	22,873	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,146	0.10%
Tỷ giá JPY/VND	18,498	0.20%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	3.63%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.21%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	191.4	HPG	-148.3
EIB	146.7	VIC	-63.8
FTS	44.0	DGW	-52.8
VHM	32.4	FUESSVFL	-43.6
VNM	25.8	VCB	-35.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
MSH_Tín hiệu tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tích cực
 - Chỉ báo xu hướng MACD: xu hướng tăng, MACD cắt lên trên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: MSH có một phiên tăng điểm tốt khi hình thành mẫu hình nến Marubozu gần như hoàn hảo cùng khối lượng tích cực. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng khả quan. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20, MA50 và MA100, đường MA20 và MA50 hiện ở dưới MA100 nhưng đang có xu hướng cắt lên. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 86.2, chốt lãi tại ngưỡng 101.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 80.2.



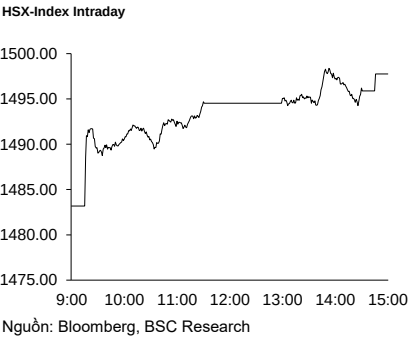
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

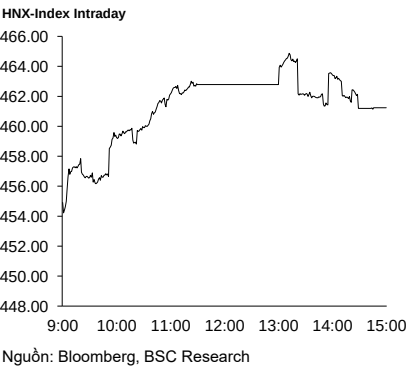
Ngành	±%
Viễn thông	7.94%
Công nghệ Thông tin	6.39%
Bảo hiểm	3.74%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.12%
Ô tô và phụ tùng	1.78%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.63%
Xây dựng và Vật liệu	1.45%
Dịch vụ tài chính	1.44%
Dầu khí	1.36%
Bất động sản	1.25%
Du lịch và Giải trí	1.04%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.96%
Bán lẻ	0.95%
Y tế	0.79%
Truyền thông	0.69%
Ngân hàng	0.53%
Hóa chất	0.50%
Thực phẩm và đồ uống	0.38%
Tài nguyên Cơ bản	0.20%

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

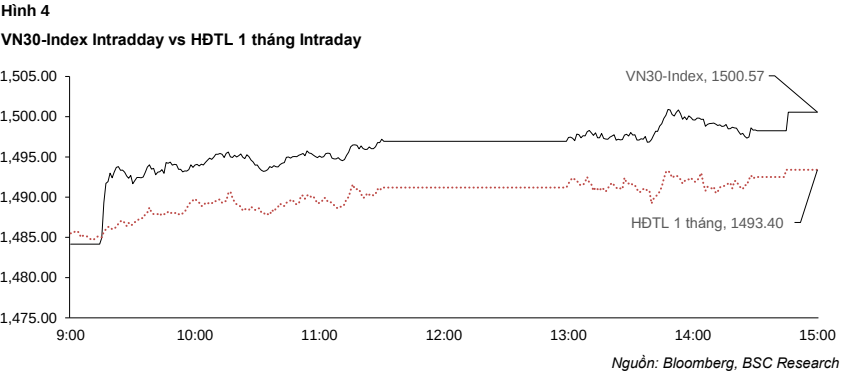
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/28/2022	GMD	56.3	63.2	53	59	1	4.80%	Có thể tiếp tục mua
3/24/2022	BMP	61	68	58	60.7	5	-0.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/23/2022	DBC	77	85.8	73	75.8	6	-1.56%	Có thể tiếp tục mua
3/21/2022	KDH	53.3	61.3	51.5	53.4	8	0.19%	Có thể tiếp tục mua
3/18/2022	LIG	16	22	14	15.6	11	-2.50%	Có thể tiếp tục mua
3/15/2022	HBC	28.2	33	26	28.25	14	0.18%	Có thể tiếp tục mua
3/14/2022	FCN	24.5	28.5	22.5	27.7	15	13.06%	Cần nhắc không mua thêm (**)
3/10/2022	ITD	16.9	20	15	18	19	6.51%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	47.2	26	6.31%	Có thể tiếp tục mua
2/28/2022	HSG	38.35	46.9	35.2	37.55	29	-2.09%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/24/2022	PVB	23.5	28	21.5	24.8	33	5.53%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/23/2022	PVT	24.8	31.8	23	26.7	34	7.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/18/2022	G36	19.8	25.2	17	21	39	6.06%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
2/9/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
2/7/2022	GMD	46	52	43.75	TP	11	13.04%
1/27/2022	HDG	60.1	67	58	TP	22	11.48%
1/21/2022	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
1/20/2022	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
1/18/2022	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
1/17/2022	HVN	22.9	26	45	TP	21	13.54%
1/14/2022	NBC	17.4	19.7	16.5	SL	4	-5.17%
1/13/2022	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
1/12/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
1/11/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
1/7/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	SL	6	-3.28%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	4	5.59%	-1.66%	3.36%	20
Cổ phiếu đã chốt	241	187	7.71%	-7.27%	4.98%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1493.40	0.67%	-7.17	-19.2%	98,973	4/21/2022	25
VN30F2205	1491.30	0.74%	-9.27	1.8%	222	5/19/2022	53
VN30F2206	1489.20	0.87%	-11.37	-47.2%	57	6/16/2022	81
VN30F2209	1488.50	0.80%	-12.07	-3.3%	29	9/15/2022	172

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng +16.41 điểm lên 1500.57 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VNM, VHM, MWG, MBB đã tác động tích cực đến vận động của VN30. Phiên điều chỉnh đã khiến VN30 quay trở lại vùng tích lũy 1470-1500 điểm.
- Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng trừ VN30F2209. Xét về vị thế mở, các HĐ VN30F2204 và VN30F2205 giảm, HĐ còn lại giảm. Điểm số tăng cùng với lượng hợp đồng mở giảm cho thấy dòng tiền đang dần đóng vị thế tại các hợp đồng ngắn hạn. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2109	4/8/2022	10	8:1	1,698,700	21.96%	1,900	1,210	108.62%	216	5.60	97,680	96,000	104,900
CSTB2203	6/9/2022	72	3:1	572,200	37.23%	2,680	1,880	56.67%	675	2.78	37,710	34,800	32,300
CFPT2201	9/20/2022	175	8:1	427,300	21.96%	2,100	1,920	45.45%	390	4.93	117,840	106,000	104,900
CPNJ2110	5/24/2022	56	4.96:1	990,600	32.85%	2,000	1,500	33.93%	572	2.62	119,490	113,000	110,500
CFPT2202	6/24/2022	87	10:1	909,700	21.96%	1,700	2,260	27.68%	903	2.50	97,200	89,700	104,900
CFPT2203	8/1/2022	125	4:1	341,600	21.96%	3,800	5,200	25.00%	1,627	3.20	100,720	95,000	104,900
CMBB2107	4/8/2022	10	2:1	635,900	30.26%	2,200	1,250	15.74%	1,123	1.11	31,780	30,000	32,000
CTPB2201	9/20/2022	175	4:1	791,600	40.99%	1,800	1,490	7.97%	1,027	1.45	47,920	42,000	40,300
CMWG2114	4/20/2022	22	12:1	494,500	30.12%	2,600	1,400	6.06%	597	2.35	224,800	130,000	146,500
CMWG2202	8/1/2022	125	6:1	262,300	30.12%	4,000	4,170	4.51%	1,058	3.94	155,740	145,000	146,500
CVHM2204	8/1/2022	125	4:1	347,300	28.51%	2,700	3,150	2.94%	917	3.44	84,960	82,000	76,500
CHPG2202	9/21/2022	176	10:1	844,500	33.09%	1,100	710	2.90%	220	3.23	116,488	53,888	45,850
CMWG2111	4/8/2022	10	10:1	620,500	30.12%	1,900	1,520	1.33%	599	2.54	205,600	130,000	146,500
CSTB2201	9/21/2022	176	5:1	579,300	37.23%	1,500	1,520	0.66%	1,237	1.23	35,088	29,888	32,300
CKDH2203	7/18/2022	111	2:1	414,200	35.26%	5,000	4,170	0.48%	1,402	2.97	59,860	57,000	53,400
CTPB2202	7/18/2022	111	2:1	257,200	40.99%	3,700	3,560	-0.84%	1,506	2.36	42,820	45,000	40,300
CMSN2104	5/4/2022	36	9.98:1	221,800	38.35%	5,200	2,850	-1.38%	2,995	0.95	147,790	0	144,000
CVPB2202	7/18/2022	111	2:1	362,500	31.65%	3,500	4,500	-1.96%	900	5.00	42,480	39,000	36,400
CTCB2203	8/1/2022	125	2:1	342,000	29.55%	4,300	3,610	-2.17%	1,365	2.64	52,320	52,000	48,900
CMSN2110	4/8/2022	10	9.98:1	1,974,600	38.35%	2,200	700	-7.89%	696	1.01	157,488	142,000	144,000
Tổng				11,389,600	31.79%**								
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/03/2022, các chứng quyền tăng điểm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2109 và CVNM2113 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 108.62% và 57.14%. Giá trị giao dịch giảm -3.33%. CHPG2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.16% thị trường.
- CSTB2112, CMSN2104, CMSN2110, và CSTB2110 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2201, CFPT2203, CFPT2202 và CVPB2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2112, CMSN2104, và CSTB2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	146.5	1.7%	0.6	4,540	14.9	6,936	21.1	5.1	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	110.5	2.1%	0.7	1,092	6.6	4,526	24.4	4.2	49.0%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	61.4	5.0%	1.3	1,982	6.8	2,501	24.5	2.2	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	53.1	1.1%	0.5	541	0.7	3,543	15.0	1.6	57.9%	10.9%	
VIC	Bất động sản	80.8	0.4%	0.7	13,399	9.8	(759)	N/A	N/A	3.1	12.6%	-3.1%
VRE	Bất động sản	32.6	1.7%	1.1	3,216	3.8	578	56.3	2.4	30.3%	4.4%	
VHM	Bất động sản	76.5	2.1%	1.1	14,483	9.7	9,048	8.5	2.6	23.8%	36.4%	
DXG	Bất động sản	46.8	2.3%	1.3	1,235	27.6	1,942		3.2	30.4%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	42.7	0.9%	1.6	1,841	7.6	2,768	15.4	3.0	37.6%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	57.5	1.8%	1.0	833	3.2	4,512	12.7	2.9	19.6%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	34.5	1.5%	1.6	686	3.7	2,805	12.3	2.2	43.2%	19.5%	
FPT	Công nghệ	104.9	6.9%	0.9	4,139	36.8	4,792	21.9	5.3	49.0%	25.8%	
FOX	Công nghệ	78.6	3.4%	0.4	1,122	0.0	4,926	16.0	4.3	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	111.9	1.3%	1.2	9,312	3.3	4,381	25.5	4.2	2.8%	17.4%	
PLX	Dầu khí	56.4	0.7%	1.5	3,116	3.9	2,337	24.1	2.9	17.0%	12.3%	
PVS	Dầu khí	37.2	3.0%	1.6	773	23.9	1,260	29.5	1.5	8.5%	5.0%	
BSR	Dầu khí	27.0	0.0%	0.8	3,640	7.4	2,108		2.2	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	112.0	0.4%	0.3	637	0.1	5,720	19.6	3.9	54.2%	20.3%	
DPM	Hóa chất	73.3	-0.8%	0.9	1,247	15.0	7,959	9.2	2.7	10.8%	33.5%	
DCM	Hóa chất	47.8	-1.3%	0.7	1,100	11.2	3,073	15.6	3.4	6.8%	23.7%	
VCB	Ngân hàng	81.9	-0.6%	1.0	16,852	3.6	5,005	16.4	3.5	23.7%	21.4%	
BID	Ngân hàng	42.4	1.9%	1.2	9,325	3.2	2,090	20.3	2.6	16.8%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	32.0	0.6%	1.4	6,686	4.2	2,940	10.9	1.7	25.7%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	36.4	0.4%	1.2	7,035	11.7	2,648	13.7	2.1	17.5%	17.9%	
MBB	Ngân hàng	32.0	1.6%	1.2	5,257	10.3	3,362	9.5	2.0	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	32.4	0.0%	1.1	3,800	5.2	3,554	9.1	1.9	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	60.7	0.3%	0.7	216	0.2	2,618	23.2	2.2	85.1%	9.0%	
NTP	Nhựa	58.6	-0.2%	0.4	300	0.6	3,951	14.8	2.6	17.9%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	32.9	5.8%	1.1	1,572	2.4	178	184.8	2.5	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	45.9	-0.1%	1.1	8,917	26.0	7,166	6.4	2.3	22.2%	42.8%	
HSG	Thép	37.6	-0.7%	1.4	806	11.0	8,581	4.4	1.6	6.6%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	75.5	2.9%	0.6	6,861	6.9	4,518	16.7	4.8	54.1%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	158.0	0.3%	0.8	4,405	1.2	5,663	27.9	4.8	62.5%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	144.0	-1.1%	1.0	7,391	3.8	7,257	19.8	5.2	28.4%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	24.8	3.1%	1.3	677	8.0	1,135	21.8	1.9	7.3%	8.7%	
ACV	Vận tải	90.8	1.3%	0.8	8,594	0.3	577	157.4	5.3	3.8%	3.4%	
VJC	Vận tải	142.9	1.5%	1.1	3,365	6.4	2,271		4.6	16.8%	7.7%	
HVN	Vận tải	25.1	0.6%	1.7	2,417	2.8	(6,523)		23.2	6.1%	-267.4%	
GMD	Vận tải	59.0	4.8%	1.0	773	13.8	1,846	32.0	2.8	43.4%	9.1%	
PVT	Vận tải	26.7	2.7%	1.2	376	8.0	2,038	13.1	1.7	9.8%	13.1%	
VCS	Vật liệu xây dựng	120.0	4.3%	0.7	835	2.8	10,538	11.4	3.9	3.6%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	60.0	-1.3%	0.3	1,170	2.6	2,729	22.0	3.8	4.2%	18.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	25.5	0.0%	0.9	423	2.7	966	26.4	1.9	2.0%	7.0%	
CTD	Xây dựng	97.1	6.9%	1.0	312	5.7	310	312.7	0.9	45.5%	0.3%	
CII	Xây dựng	32.3	4.9%	0.9	341	10.3	(1,398)	N/A	N/A	1.6	10.5%	-6.9%
REE	Điện	80.5	0.8%	-1.4	1,082	3.7	6,002	13.4	1.9	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	49.0	1.0%	-0.4	500	6.5	2,997	16.3	2.5	5.1%	15.9%	
POW	Điện	16.3	1.2%	0.6	1,655	4.3	768	21.2	1.3	2.0%	6.3%	
NT2	Điện	23.4	2.2%	0.6	293	0.7	1,778	13.2	1.6	13.6%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	53.6	2.1%	1.2	1,342	8.9	1,590	33.7	2.2	18.6%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	72.0	-1%	1.0	3,240	0.9			4.8	2.6%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	76.50	2.14	1.77	2.95MLN
FPT	104.90	6.93	1.57	8.22MLN
VNM	75.50	2.86	1.12	2.14MLN
BID	42.40	1.92	1.03	1.73MLN
DIG	101.50	6.95	0.84	4.45MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.60	1.02MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-0.48	595200	607060
SSB	0.00	-0.43	2.41MLN	373600
DGC	0.00	-0.28	2.89MLN	192700
VHC	0.00	-0.17	1.27MLN	611640

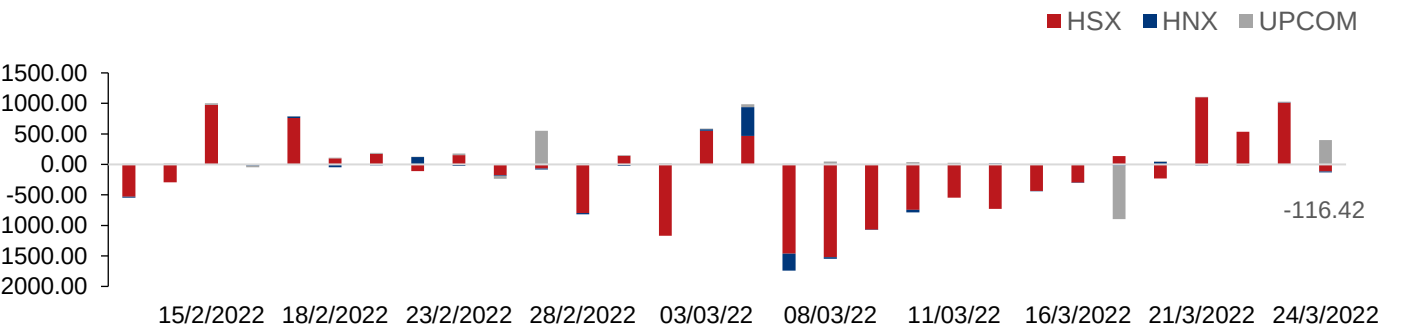
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNL	27.55	6.99	0.00	143400.00
CMG	59.70	6.99	0.11	258800
HUB	48.25	6.98	0.02	270600
PDN	108.90	6.97	0.03	1100
VDP	39.90	6.97	0.01	2500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FLC	12.65	-6.99	-0.17	3.25MLN
HAI	5.88	-6.96	-0.02	22.83MLN
ROS	8.16	-6.96	-0.09	8.26MLN
AMD	6.19	-6.92	-0.02	24.28MLN
TNC	43.80	-6.91	-0.02	7300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	104.9	4,792	21.9	5.3	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	34.0	2,448	13.9	2.3	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	51.0	10,793	4.7	1.9	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	16.3	768	21.2	1.3	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	110.5	4,526	24.4	4.2	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	146.5	6,936	21.1	5.1	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	26.7	2,038	13.1	1.7	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	228.5	13,122	17.4	6.4	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	45.9	7,166	6.4	2.3	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	53.6	1,590	33.7	2.2	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	43.6	4,717	9.2	3.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	46.8	1,942	24.1	3.2	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	142.0	7,494	18.9	7.0	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	43.8	1,006	43.5	2.4	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	37.8	2,779	13.6	2.4	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	92.8	6,052	15.3	2.9	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	43.6	1,968	22.2	2.1	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	53.1	3,543	15.0	1.6	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	37.2	1,260	29.5	1.5	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	111.9	4,381	25.5	4.2	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	38.5	3,134	12.3	2.7	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	97.1	310	312.7	0.9	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	20.2	1,454	13.9	0.9	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.6	1,520	12.9	0.9	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.6	1,520	12.9	0.9	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.2	2,324	10.8	3.6	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	110.5	4,526	24.4	4.2	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	110.5	4,526	24.4	4.2	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	146.5	6,936	21.1	5.1	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	77.8	3,013	25.8	5.3	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	58.7	3,055	19.2	2.5	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	27.0	2,108	12.8	2.2	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	26.8	948	28.3	1.6	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	92.8	6,052	15.3	2.9	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.9	1,637	17.7	1.7	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	18.0	689	26.1	1.4	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	75.8	7,200	10.5	1.9	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	47.2	3499.1	13.5	2.0	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.4	1,778	13.2	1.6	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	111.9	4,381	25.5	4.2	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	51.0	10,793	4.7	1.9	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	53.4	1,833	29.1	3.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	75.5	4,518	16.7	4.8	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	104.9	4,792	21.9	5.3	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.6	578	56.3	2.4	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	228.5	13,122	17.4	6.4	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	55.8	5,924	9.4	1.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639